TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 02 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh.

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 08 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Tiêu Hoàng V, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Phạm Tường D, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Tiêu Hoàng V, thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh V và chị Phạm Tường D chung sống với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào năm 2015. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, được gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng không thành nên đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Từ nguyên nhân trên, anh V xác định không còn tình cảm, không còn trách nhiệm với nhau, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị D.

Quá trình chung sống có 02 người con chung, gồm: Tiêu Hồng N, sinh

ngày 01/5/2005 và Tiêu Duy K, sinh ngày 04/01/2012; Hồng N do chị D nuôi dưỡng và Duy K do anh V nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh V yêu cầu các con có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có.

* *Đối với chị Phạm Tường D:* Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của anh V nhưng chị D không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Tiêu Hoàng V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Phạm Tường D đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Anh V và chị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào năm 2015. Theo anh V, khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã được hòa giải, hàn gắn nhưng không thành nên đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Từ nguyên nhân trên, anh V xác định không còn tình cảm, không còn trách nhiệm, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị D. Chị D không có ý kiến về nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của anh V.

Xét yêu cầu của anh V, thấy rằng: Hôn nhân của anh V và chị D có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, anh V yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị D đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị D không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh V ly hôn với chị D là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Quá trình chung sống có 02 người con chung, gồm: Tiêu Hồng N, sinh ngày 01/5/2005 và Tiêu Duy K, sinh ngày 04/01/2012. Tòa án đã yêu cầu các đương sự đưa các cháu đến để ghi nguyện vọng khi cha, mẹ ly hôn.

Theo nguyện vọng của Duy K, khi cha, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng chung sống với cha là anh V. Đối với Hồng N, chị D đang nuôi dưỡng nhưng chị D không đưa cháu đến để ghi nguyện vọng và không có ý kiến gì về việc nuôi con theo yêu cầu của anh V. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên Hồng Nhung cho chị D và Duy K cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Anh V xác định không có, chị D không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh V phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tiêu Hoàng V.

- Về hôn nhân: Cho anh V được ly hôn với chị Phạm Tường D.

- Về con chung: Giao Tiêu Hồng N, sinh ngày 01/5/2005 cho chị D và Tiêu Duy K, sinh ngày 04/01/2012 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh V phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011779 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh V đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn